

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

I. Báo cáo số liệu tình hình hoạt động của Quỹ sau khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập

DVT: Triệu đồng (vốn)

TT	Chỉ tiêu	Tình hình sau sắp xếp, sáp nhập	Ghi chú
I	Tổ chức bộ máy, quản trị và nhân sự		
1	Số đơn vị, phòng, ban trực thuộc	3	
2	Số cán bộ, người lao động của Quỹ (<i>cả chuyên trách và kiêm nhiệm</i>)	22	Có 02 bảo vệ; 05 kiêm nhiệm
3	Trình độ chuyên môn		
3.1	Phân theo trình độ học vị (tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân...)		
	- Thạc sĩ	2	
	- Đại học	13	
3.2	Phân theo chuyên ngành đào tạo		
	- Tài chính ngân hàng, quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán	11	Chuyên trách
	- Các ngành khác	4	Chuyên trách
4	Số lượng các quy trình, quy chế nội bộ (<i>ghi chú cụ thể các văn bản nội bộ</i>)		
	- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh;		Ủy ban nhân dân tỉnh đang xem xét, phê duyệt
	- Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh giai đoạn 2026- 2030;		Ủy ban nhân dân tỉnh đang xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh
	- Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh;		Đã lấy ý kiến Hội đồng quản lý Quỹ lần 1
	- Quy chế phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay của Quỹ;		Đang rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế
	- Quy chế quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ;		
	- Quy chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản cố định của Quỹ;		
	- Quy chế chi tiêu nội bộ;		
	- Quy chế quản lý sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc		
	- Quy chế cho vay;		
	- Quy chế thẩm định dự án;		
	- Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng;		
	- Quy chế thi đua khen thưởng;		
	- Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các phòng nghiệp vụ thuộc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh.		
II	Tổng nguồn vốn	312.252,67	
1	Vốn chủ sở hữu	309.595,82	

TT	Chỉ tiêu	Tình hình sau sắp xếp, sắp nhập	Ghi chú
	- Vốn điều lệ	290.548,66	Chưa bao gồm 10,5 tỷ đồng bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận năm 2024, 2025 của Quỹ (hiện đang chờ UBND tỉnh quyết định)
	- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	12.343,97	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.703,19	
2	Vôn huy động	-	
3	Vốn khác (UBND tỉnh cấp trụ sở)	2.656,85	
III	Sử dụng vốn	307.069,18	
1	Hoạt động đầu tư		
2	Hoạt động cho vay	39.739,18	
3	Sử dụng vốn khác (<i>gửi tiền tại các tổ chức tín dụng</i>)	267.330,00	
IV	Kết quả hoạt động tài chính	10.527,00	
1	Tổng thu nhập	10.527,00	
1.1	Doanh thu hoạt động nghiệp vụ (<i>Thu nhập từ lãi cho vay vốn</i>)	1.735,367	
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tiền gửi)	8.791,629	
2	Tổng chi phí	3.384,228	
2.1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ	607,234	
2.2	Chi phí quản lý	2.776,994	
3	Chênh lệch thu - chi trước thuế	7.142,768	
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	439,581	
5	Chênh lệch thu - chi sau thuế	6.703,187	
V	Nợ xấu		
1	Tổng nợ xấu	19.717,06	
	Phân loại nhóm 5		
2	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ (%)	49,62%	
VI	Tình hình trích lập dự phòng rủi ro cho vay	2.457,05	